

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 1699/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 26/6/2025

V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Hiền Lữ

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Ngọc Hôn
- Bà Lê Nguyễn Mộng Hà

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Hải – Kiểm sát viên.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Hoa, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 26 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 1982/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2024, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4559/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 5325/2025/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1985

HKTT: khóm B, phường C, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long;

Tạm trú: số nhà A đường Q cũ, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Bị đơn: Ông Phạm Minh H, sinh năm 1983

Địa chỉ: số nhà A đường Q cũ, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 03 tháng 9 năm 2024 và lời trình bày của bà Nguyễn Thị Thanh T:

Bà và ông Phạm Minh H tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện B, tỉnh Vĩnh Long theo Giấy chứng nhận kết hôn số 192 ngày 08/9/2008. Cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc đến năm 2024

thì xảy ra mâu thuẫn do bà phát hiện ông H ngoại tình. Bà đã nhiều lần đưa ra lời khuyên và nhắc nhở nhưng ông H không chấm dứt mà thời gian qua còn sống thiếu trách nhiệm với gia đình. Vì vậy cuộc sống gia đình trở nên căng thẳng, vợ chồng không còn gắn bó, quan tâm đến nhau. Đến nay tình trạng hôn nhân không khắc phục được, tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu ly hôn ông Phạm Minh H.

Con chung: có ba con tên Phạm Nguyễn Thảo V, sinh ngày 02/9/2006 (đã trưởng thành); Phạm Minh T1, sinh ngày 28/6/2011 và Phạm Nguyễn Thúy V1, sinh ngày 19/3/2016. Hiện tại bà đang nuôi con nên bà yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc hai con Phạm Minh T1 và Phạm Nguyễn Thúy V1. Không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: không có.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cho ông Phạm Minh H, đồng thời triệu tập ông H đến trụ sở Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông H vắng mặt.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Thanh T giữ nguyên yêu cầu ly hôn ông Phạm Minh H. Ông H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Tòa án đã thực hiện các trình tự, thủ tục theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà Nguyễn Thị Thanh T được ly hôn ông Phạm Minh H. Giao con chung Phạm Minh T1, sinh ngày 28/6/2011 và Phạm Nguyễn Thúy V1, sinh ngày 19/3/2016 cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức phát biểu quan điểm, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là “Ly hôn” theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[1.2] Thẩm quyền giải quyết: Do bị đơn cư trú tại thành phố T nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Về thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã xác minh về tình trạng cư trú và tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng đối với bị đơn nhưng bị đơn vắng mặt. Xét thấy bị đơn đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa ngày 16/5/2025 nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử phải hoãn phiên tòa. Sau khi hoãn phiên tòa, Tòa án tiếp tục triệu tập hợp lệ bị đơn lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng bị đơn vẫn vắng mặt. Vì vậy Hội đồng tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Xét, bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Phạm Minh H có thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện B, tỉnh Vĩnh Long theo Giấy chứng nhận kết hôn số 192 ngày 08/9/2008 nên quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông H là hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập ông H tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông H vắng mặt và Tòa án cũng không nhận được văn bản trình bày ý kiến của ông H đối với yêu cầu khởi kiện của bà T.

Xét thấy, cuộc sống chung của bà T và ông H hạnh phúc cho đến năm 2024 xảy ra mâu thuẫn do ông H có những mối quan hệ tình cảm không rõ ràng làm cho bà T nghi ngờ ông H thiếu chung thủy. Đến nay quan hệ vợ chồng không còn hòa thuận, hạnh phúc, ông H không còn hỗ trợ, chia sẻ trách nhiệm với bà T nên bà T xác định không còn khả năng duy trì hạnh phúc gia đình. Bà T yêu cầu ly hôn nhưng ông H vắng mặt, không có ý kiến thể hiện thiện chí mong muốn đoàn tụ. Do mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà T là có cơ sở chấp nhận.

Con chung: Căn cứ lời khai của bà T phù hợp với các bản sao giấy khai sinh của Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện B, tỉnh Vĩnh Long, đủ căn cứ xác định bà T và ông H có ba người con chung, Phạm Nguyễn Thảo V, sinh ngày 02/9/2006 (đã trưởng thành); Phạm Minh T1, sinh ngày 28/6/2011 và Phạm Nguyễn Thúy V1, sinh ngày 19/3/2016. Bà T yêu cầu trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con Phạm Minh T1 và Phạm Nguyễn Thúy V1.

Ông H vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến về việc nuôi con.

Căn cứ yêu cầu của bà T và nguyện vọng của các con được sống chung với mẹ và để bảo đảm quyền lợi của con cũng như sự ổn định về tinh thần, tâm lý của con, cần giao các con chung cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

Nợ chung: Bà T xác định không có nợ chung.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Bà T phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp, có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Khoản 1, Khoản 2 Điều 269; Điều 271 và Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Thanh T;

Bà Nguyễn Thị Thanh T được ly hôn ông Phạm Minh H.

2. Con chung: Giao con Phạm Minh T1, sinh ngày 28/6/2011 và Phạm Nguyễn Thúy V1, sinh ngày 19/3/2016 cho bà Nguyễn Thị Thanh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Ông H được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một bên hoặc cả hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng.

3. Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí: Bà Nguyễn Thị Thanh T phải chịu án phí ly hôn 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0043287 ngày 25/9/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh (đã nộp đủ).

5. Quyền và thời hạn kháng cáo, kháng nghị:

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày; Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 7; 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014)”.

Nơi nhận:

- TAND TP . HCM;
- VKSND TP . HCM;
- VKSND TP . Thủ Đức;
- CCTHADS TP . Thủ Đức;
- Đường sự;
- UBND phường C..;
- Lưu: VP, Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Cao Thị Hiền Lữ